

Bản án số: 1446/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-09-2022

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Nguyễn Hà Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Ông Phan Minh T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 690/2022/TLST-HNGĐ Ngày 18 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 284/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Minh C, sinh năm X; địa chỉ: Số R Bis B, Phường T, Quận Y, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Tường T, sinh năm Y, địa chỉ: Số B nhà A3*3, chung cư K, đường D, Phường J, quận G, Thành phố H.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Minh C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Tường T kết hôn với nhau năm 2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số E do Ủy ban nhân dân Phường J, quận G, Thành phố H

cấp ngày X/Y/Z. Hạnh phúc gia đình kéo dài được một thời gian đầu, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình, cuộc sống chung của vợ chồng rất tẻ nhạt và không có hạnh phúc. Từ tháng 6/2021, anh và chị T đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có hai con chung là Trần Minh A, sinh ngày L/M/N và Trần Hoàng Q, sinh ngày O/P/Q. Anh C yêu cầu giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng)

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn là chị Nguyễn Thị Tường T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Theo yêu cầu khởi kiện của anh C quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh C và chị T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số E do Ủy ban nhân dân Phường J, quận G, Thành phố H cấp ngày X/Y/Z.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng chung sống, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Anh C cho rằng cuộc sống chung giữa anh và chị T không có hạnh phúc, cả hai không có sự hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh C, nhưng căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa anh C và chị T đã không còn sống chung với nhau, bản thân anh C không còn yêu thương chị T nữa chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh C và chị T đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có hai con chung là Trần Minh A, sinh ngày L/M/N và Trần Hoàng Q, sinh ngày O/P/Q. Anh C yêu cầu giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh C sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng/tháng).

Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với trẻ Trần Minh A đã từ đủ 7 tuổi trở lên nhưng anh C không biết địa chỉ nơi cư trú của trẻ A nên Tòa án không lấy được lời khai của trẻ A. Tuy nhiên từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay, chị T cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu giao con chung cho chị T nuôi dưỡng của anh C. Đồng thời hiện nay hai trẻ A, Q đang sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao hai trẻ Trần Minh A và Trần Hoàng Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C đề nghị cấp dưỡng nuôi con cho hai trẻ A, Q mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng/tháng), Hội đồng xét xử nhận thấy chị T không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho hai trẻ A, Q mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng/tháng) của anh C theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau này nếu phát sinh tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con các đương sự được khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét, sau này phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Anh C, chị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tường T.

Giấy chứng nhận kết hôn số E do Ủy ban nhân dân Phường J, quận G, Thành phố H cấp ngày X/Y/Z hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao hai con chung là Trần Minh A, sinh ngày L/M/N và Trần Hoàng Q, sinh ngày O/P/Q cho chị Nguyễn Thị Tường T nuôi dưỡng và anh Trần Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kể từ tháng 10/2022.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Trần Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Trần Minh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Trần Minh C đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0048335 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Anh Trần Minh C phải đóng thêm án phí là 300.000 đồng

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Nguyễn Hà Hải

